

I. MA TRẬN CHUNG TIẾNG ANH 11 - giữa kỳ I

T T	Kĩ năng	Mức độ nhận thức											Tổng		
		Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng							
		Tỉ lệ (%)	Số CH	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Số CH	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Số CH	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)		Số CH		
1	Listening	15	6	6	10	4	4				25		10		10
2	Language	7,5	3	4,5	17,5	7	10,5				25		10		15
3	Reading	7,5	3	4,5	7,5	3	4,5	10	4	6	25		10		15
4	Writing				5	2	2	20	4 + bài luận	18		25		6+ bài luận	20
	Tổng	30	12	15	40	16	21	30	8	24	75	25	30	6	60
	Tỉ lệ (%)	30			40			30							

II. MA TRẬN ĐẶC TẢ TIẾNG ANH 11 - giữa kỳ I

T T	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức						Tổng số CH	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
I	Listening	Unit 1- Unit 3		TN-Biết		TN - hiểu				TN-tổng	
		1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1.5 phút liên quan đến các chủ đề đã học. Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án (True)/ (False).	Nghe lấy thông tin chi tiết trong bài về: - A long and healthy life -The generation gap -Cities of the future	3						3	
			- Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để chọn câu trả lời (True)/ (False).			2				2	

		2. Nghe một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 1.5-2 phút liên quan đến các chủ đề đã học. Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án A, B, C để điền vào chỗ trống trong câu.	Nghe lấy thông tin chi tiết trong bài về: - A long and healthy life -The generation gap -Cities of the future	3						3	
			- Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống (gap- filling).			2				2	
II	Language	Unit 1- Unit 3		TN- Biết		TN- hiểu				TN- tổng	
		1. Vocabulary Các từ vựng đã học theo chủ điểm: - A long and healthy life	-Collocation -Preposition	1		1				2	

		-The generation gap -Cities of the future	- Words in context			2				2	
			-Word form			1				1	
		2. Grammar Các chủ điểm ngữ pháp đã học: -Past simple vs present perfect -Modal verbs: must/ mustn't, have to/ don't have to/ should -Stative verbs -Linking verbs	-Past simple vs present perfect -Modal verbs: must/ mustn't, have to/ don't have to/ should -Linking verbs	1		1 2				4	
			- Stative verbs in the continuous form	1						1	
III	Reading	Unit 1- Unit 3		TN-Biết		TN-hiểu		TN-vận dụng		TN-tổng	

		1. Reading comprehension 1 Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 150 từ xoay quanh các chủ đề đã học.	- Specific information	1						2	
			- Synonym/antonym	1							
			- Not true/ not mentioned			1				1	
		2. Reading comprehension 2 Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 180 từ, xoay quanh các chủ đề đã học.	-Inference -Main idea					1 1		2	
			Antonym/synonym	1						1	
			- True - Reference (word level)			1 1				2	
			- Main idea - Inference					1 1		2	
IV	Writing	Unit 1- Unit 2					TL - Hiểu		TL- Vận dụng	TL- tổng	

		1. Sentence transformation Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước - Viết lại câu sử dụng thì simple past/ present perfect - Viết lại câu sử dụng modal verbs: must/ mustn't, have to/ don't have to/ should - Viết lại câu sử dụng một trong những expressions: invite people to events, make suggestions, remind people about things, accept invitations, ask for information.				2		2		2
		3. Thematic writing Viết mẫu tin nhắn ngắn (unit 1) hoặc bài luận về chủ đề unit 2	Viết mẫu tin nhắn ngắn (unit 1) hoặc bài luận về chủ đề unit 2: social media, digital devices (smartphones, tablets, TV, etc).							(1 bài luận)

Tổng		12	0	14	02	4	4	30	(6+ 1 bà i luận)
-------------	--	-----------	----------	-----------	-----------	----------	----------	-----------	--